

Số: 1359/QĐ-CVCX

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá
Gói thầu hàng hóa – phân bón hữu cơ đợt 1 năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM (sau đây được gọi tắt là Công ty) được ban hành kèm Quyết định số 56/QĐ-HĐTV ngày 05/01/2024 của Hội đồng thành viên Công ty;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-HĐTV ngày 06/5/2025 của Hội đồng thành viên Công ty về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu trong hoạt động mua sắm của Công ty;

Căn cứ Thông báo số 105/TB-CVCX ngày 16/01/2026 của Công ty về việc quản lý sử dụng vật tư, công cụ dụng cụ tại các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-CVCX ngày 18/5/2026 của Công ty về việc phê duyệt Dự toán mua sắm và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm phân bón hữu cơ đợt 1 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh doanh về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá Gói thầu hàng hóa – phân bón hữu cơ đợt 1 năm 2026 tại Tờ trình số 395/TTr-KD ngày 18/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Yêu cầu báo giá Gói thầu hàng hóa – phân bón hữu cơ đợt 1 năm 2026 (chi tiết theo Hồ sơ đính kèm).

Điều 2. Các Phó Giám đốc Công ty, Trưởng các phòng nghiệp vụ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐTV, KSV;
- Các PGĐ, KTT Cty;
- Các phòng;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KD.ThN.

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Khoa

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

- **Tên gói thầu:** Gói thầu hàng hóa – phân bón hữu cơ đợt 1 năm 2026
- **Dự toán mua sắm:** Phân bón hữu cơ đợt 1 năm 2026
- **Phát hành ngày:** 19/5/2026
- **Ban hành kèm theo Quyết định:** 1359 /QĐ-CVCX ngày 19/5/2026

Bên mời thầu

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Khoa

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM
2. Tên bên mời thầu là: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu hàng hóa – phân bón hữu cơ đợt 1 năm 2026 thuộc dự toán mua sắm phân bón hữu cơ đợt 1 năm 2026 Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: theo đơn giá cố định

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

2.1 Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

2.2 Nhà thầu là Hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật
2. Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu 03a(1) và Mẫu 03a(2))
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 2, Chương II.
4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và tính phù hợp của Hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 1, Chương II.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Số 2 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, số điện thoại 02838295729, Fax 02838295614 hoặc email tiếp nhận báo giá: hoaituongcpr@gmail.com không muộn hơn **09 giờ 00 phút ngày 25/5/2026**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa vật tư

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa vật tư

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa vật tư theo đúng nội dung nêu tại bảng dưới đây, thời gian cung cấp sẽ theo yêu cầu của Chủ đầu tư kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Stt	Vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Đvt	Khối lượng	Ghi chú
1	Phân bón hữu cơ	Hàm lượng chất hữu cơ $\geq 20\%$ khối lượng chất hữu cơ; PH nước: ≥ 5 ; độ ẩm $\leq 30\%$	kg	725.160,0	- Năm sản xuất 2026 - <u>Quy cách:</u> + Sản phẩm được đóng trong bao PP tráng PE; + Trọng lượng tịnh: 25 kg/bao; - Phải đáp ứng mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8.

1.1. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng phân hữu cơ:

- + Là phân bón Hữu cơ được công nhận lưu hành tại Việt Nam;
- + Các chỉ tiêu chất lượng khác và dung sai phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/08/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn.
- + Yêu cầu kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu, bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật; Nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương kèm văn bản giải trình và cung cấp tài liệu để chứng minh thông số kỹ thuật nhà thầu chào là tương đương hoặc tốt hơn.
- + Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan (cung cấp catalogue hoặc tài liệu tương đương khác) để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa so với yêu cầu của YCBG.

1.2. Yêu cầu về cung cấp hồ sơ pháp lý liên quan:

- + Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam do Cục Bảo vệ thực vật cấp;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón;
- + Giấy chứng nhận hợp quy, thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy phân bón;

- + Giấy chứng nhận xuất xưởng lô phân bón (có kết quả kiểm tra chất lượng lô phân bón đạt tiêu chuẩn xuất xưởng);
- + Phiếu giao nhận hàng hóa (cung cấp sau khi hợp đồng đã được ký và nhà thầu tiến hành giao hàng);
- + Hồ sơ thí nghiệm (cung cấp biên bản lấy mẫu và kết quả thí nghiệm sau khi hoàn tất công tác giao hàng, các bên tiến hành thí nghiệm);
- + Hồ sơ pháp lý phát sinh nếu chủ đầu tư yêu cầu (nếu có).

1.3. Yêu cầu về giao hàng: giao hàng trong vòng 1 ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực.

1.4. Về yêu cầu vận chuyển, bốc xếp và địa điểm giao hàng: Hàng hóa phải được vận chuyển và bốc xếp xuống các vị trí công viên, mảng xanh thuộc địa bàn khu vực 2, 5, 6, vườn ươm và kho của Chủ đầu tư, chi tiết như sau:

- Khu vực 5:

- + Vị trí 1: Mảng xanh Quận 4 - Dưới cầu Calmette và dưới cầu Nguyễn Văn Cừ;
- + Vị trí 2: Mảng xanh dải phân cách Nguyễn Văn Cừ - Đối diện số nhà 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5;
- + Vị trí 3: Công viên Lê Văn Tám;
- + Vị trí 4: Công viên 23/9 Khu Sen Hồng;
- + Vị trí 5: Công viên Tao Đàn;
- + Vị trí 6: Công viên Phạm Văn Chí;
- + Vị trí 7: Công viên Trung Sơn;
- + Vị trí 8: Công viên Nguyễn Tri Phương

- Khu vực 6:

- + Vị trí 1: Giao tại Công viên Lê Văn Tám
- + Vị trí 2: Giao tại Công viên Tao đàn
- + Vị trí 3: Giao tại Công viên 23/9 Khu Sen Hồng
- + Vị trí 4: Giao tại Công viên Phạm Văn Chí
- + Vị trí 5: Công viên Gia Định A tại đường Đặng Văn Sâm, phường 3, Gò Vấp
- + Vị trí 6: Công viên Gia định B (Khu B - Đường Hoàng Minh Giám, Phường 9, Quận Phú Nhuận).
- + Vị trí 7: Công viên Gia định B (Khu C - Đường Hoàng Minh Giám, Phường 3, Quận Gò Vấp)
- + Vị trí 8: Công viên Gia định B (Khu D - Đường Đặng Văn Sâm, Phường 3, Quận Gò Vấp)
- + Vị trí 9: Sân khấu Trống Đồng (12 B Cách mạng tháng 8, phường Bến Thành, Q 1)

+ Vị trí 10: Xí nghiệp Vân tải (553/26 Bùi Văn Thềm, P9 . Phú Nhuận)

- Kho Công ty: (553/26 Bùi Văn Thềm, P9 . Phú Nhuận)

- Vườn ươm: 2g-4g đường HT17, phường Tân Thới Hiệp, TP.HCM

1.5. Yêu cầu về thời gian giao hàng: Sau 1 ngày từ ngày nhận được thông báo giao hàng.

1.6. Yêu cầu về thí nghiệm: Mọi chi phí cho việc kiểm mẫu do Nhà thầu chịu, số lượng mẫu thử sẽ do Chủ đầu tư yêu cầu, phù hợp với các quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành.

1.7. Yêu cầu về kiểm tra chất lượng

- Chủ đầu tư sẽ kiểm tra chất lượng sản phẩm theo mẫu bất kỳ (quy trình lấy mẫu thí nghiệm được sự thống nhất của 02 bên)

- Đơn vị kiểm định chất lượng mẫu phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Là Đơn vị có chức năng kiểm định, hiệu chuẩn hợp pháp tại Việt Nam (theo quy định hiện hành).

+ Có phòng thử nghiệm được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc có hợp đồng với tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trừ các cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón (theo Khoản 3, điều 12 Nghị định 84/2019/NĐ-CP);

- Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp hồ sơ pháp lý của đơn vị kiểm nghiệm để xem xét, chấp thuận trước khi tiến hành lấy mẫu.

- Mọi chi phí cho việc kiểm mẫu do Nhà thầu chịu.

- Số lượng mẫu thử sẽ do Chủ đầu tư yêu cầu, phù hợp với các quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành.

Chất lượng phân bón phải đảm bảo theo tiêu chuẩn Nhà nước quy định. Dung sai cho phép khi kiểm định chất lượng so với hàm lượng công bố áp dụng theo thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/08/2019 của BNN và PTNT ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng phân bón.

1.8. Các yêu cầu khác

- Cam kết về thu hồi hàng hóa không đủ tiêu chuẩn chất lượng hoặc khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Số lượng cung cấp: Số lượng hàng hoá do Nhà thầu cung cấp theo yêu cầu từng đợt của bên mua.

2. Về năng lực và kinh nghiệm: Có tối thiểu 1 hợp đồng cung cấp hàng hóa là phân bón hữu cơ có tính chất tương tự và có giá trị hợp đồng tương đương hoặc hồ sơ chứng minh năng lực cung cấp.

3. Về thanh toán: Tạm ứng 30%, thanh toán phần còn lại sau khi hai bên xác nhận khối lượng nghiệm thu theo thực tế.

Chương III. BIỂU MẪU**ĐƠN CHÀO HÀNG**

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật/ Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
3. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7	8
S T T	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 5x7)
1	Phân bón hữu cơ	kg	725.160,0
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							M=M1+M2+...+Mn
<i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 03a(2). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự toán: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ___ [*căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp*];

- Căn cứ Quyết định số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của ___ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ___ [*Ghi tên gói thầu*] của ___ [*Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu*] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ___ tháng ___ năm ___;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [*Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___
(*trường hợp được ủy quyền*).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được*

ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa theo danh mục được nêu chi tiết như sau :

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1									
Cộng								
Thuế								
Tổng cộng								

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hồ sơ báo giá và các văn bản làm rõ hồ sơ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá trị hợp đồng, loại hợp đồng và phương thức thanh toán

5.1 Giá trị hợp đồng

Giá trị hợp đồng:.....đồng (bằng chữ:)

Giá trị hợp đồng trên là giá trị tạm tính, giá trị hợp đồng chính thức là giá nhân với khối lượng chính thức được nghiệm thu.

Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển đến công viên, mảng xanh thuộc địa bàn các khu vực của Bên A.

5.2 Phương thức thanh toán:

a. Tạm ứng: **30%** giá trị hàng hóa sau khi hợp đồng được ký kết đồng thời nhận được hồ sơ tạm ứng.

Hồ sơ tạm ứng bao gồm:

- Đề nghị tạm ứng của bên B
- 02 bộ hồ sơ phôi tô công chứng, bao gồm: Quyết định công nhận phân bón lưu hành; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (nếu là nhà sản xuất); Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán (nếu là đơn vị thương mại); Chứng nhận hợp quy, thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy phân bón

b. Thanh toán: 1 lần

Sau khi khối lượng chính thức được nghiệm thu, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện hợp đồng chính thức sau khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán, đồng thời thu hồi 30% giá trị hàng hóa đã tạm ứng trước đó.

Hồ sơ thanh toán bản chính:

- 01 Giấy đề nghị thanh toán
- 02 bộ Giấy chứng nhận xuất xưởng lô phân bón (có kết quả kiểm tra chất lượng lô phân bón đạt tiêu chuẩn xuất xưởng)
- 02 bộ Phiếu giao nhận hàng hóa (phải đúng số lô sản xuất như trên bao bì)
- 02 bộ Hồ sơ thí nghiệm (biên bản lấy mẫu và kết quả thí nghiệm)
- Biên bản nghiệm thu có chữ ký xác nhận của hai bên
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành có chữ ký xác nhận của hai bên
- Bên B xuất hóa đơn tài chính theo giá trị tương ứng được nghiệm thu

c. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ

sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trước ngày ký hợp đồng
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5 % giá trị hợp đồng

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 15 ngày làm việc.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa ; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo)

theo tiến độ nêu trong YCBG, cụ thể là: phiếu giao hàng, hồ sơ chất lượng và các giấy tờ hồ sơ phục vụ yêu cầu nghiệm thu của Bên A.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên A sẽ thông báo cho bên B trước 3 ngày làm việc, bằng điện thoại hoặc email về kế hoạch nhận hàng. Hàng hóa phải được vận chuyển đến công viên, mảng xanh thuộc địa bàn các khu vực của Chủ đầu tư, vị trí tập kết cụ thể:

- Khu vực 5:

- + Vị trí 1: Mảng xanh Quận 4 - Dưới cầu Calmette và dưới cầu Nguyễn Văn Cừ;
- + Vị trí 2: Mảng xanh dải phân cách Nguyễn Văn Cừ - Đối diện số nhà 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5;
- + Vị trí 3: Công viên Lê Văn Tám;
- + Vị trí 4: Công viên 23/9 Khu Sen Hồng;
- + Vị trí 5: Công viên Tao Đàn;
- + Vị trí 6: Công viên Phạm Văn Chí;
- + Vị trí 7: Công viên Trung Sơn;
- + Vị trí 8: Công viên Nguyễn Tri Phương

- Khu vực 6:

- + Vị trí 1: Giao tại Công viên Lê Văn Tám
- + Vị trí 2: Giao tại Công viên Tao đàn
- + Vị trí 3: Giao tại Công viên 23/9 Khu Sen Hồng
- + Vị trí 4: Giao tại Công viên Phạm Văn Chí
- + Vị trí 5: Công viên Gia Định A tại đường Đặng Văn Sâm, phường 3, Gò Vấp
- + Vị trí 6: Công viên Gia định B (Khu B - Đường Hoàng Minh Giám, Phường 9, Quận Phú Nhuận).
- + Vị trí 7: Công viên Gia định B (Khu C - Đường Hoàng Minh Giám, Phường 3, Quận Gò Vấp)
- + Vị trí 8: Công viên Gia định B (Khu D - Đường Đặng Văn Sâm, Phường 3, Quận Gò Vấp)
- + Vị trí 9: Sân khấu Trống Đồng (12 B Cách mạng tháng 8, phường Bến Thành, Q 1)
- + Vị trí 10: Xí nghiệp Vận tải (553/26 Bùi Văn Thềm, P9 . Phú Nhuận)

- Kho Công ty: (553/26 Bùi Văn Thềm, P9 . Phú Nhuận)

- Vườn ươm: 2g-4g đường HT17, phường Tân Thới Hiệp, TP.HCM

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm sẽ theo kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm của Chủ đầu tư. Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho, giao hàng và tai nạn bất khả kháng khác.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo quy định pháp luật.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ký

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, chủ đầu tư giữ 03 bộ, nhà thầu giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) trong bản yêu cầu báo giá này].